

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2026/DS- ST

Ngày: 14/08/2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Bích Thủy

2. Bà Phạm Thị Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Trà - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.

Ngày 14/08/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2026/TLST - DS ngày 29 tháng 04 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1019/2026/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 07 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1024/2026/QĐST – DS ngày 30/07/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Hoàng Văn L** – Sinh năm 1963;

Số căn cước công dân: 038063001796

Địa chỉ: **Thôn V (N là Thôn B T), xã K, tỉnh Thanh Hóa.**

- Bị đơn: Ông **Trần Trung T** – Sinh năm 1968;

Số căn cước công dân: 038068009711

Địa chỉ: **Thôn V (N là Thôn B T), xã K, tỉnh Thanh Hóa.**

Tại phiên tòa vắng mặt ông **Hoàng Văn L** và ông **Trần Trung T** (Ông **L** có đơn xin xét xử vắng mặt, ông **T** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông **Hoàng Văn L** trình bày:

Trong năm 2021 và năm 2022 ông có cho ông **Trần Trung T** vay tiền chia thành 04 lần vay cụ thể: Ngày 01/03/2021 cho vay số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 31/03/2021 cho vay số tiền 8.000.000 đồng; Ngày 29/01/2021 cho vay số tiền 5.000.000 đồng; ngày 29/08/2022 cho vay số tiền 1.560.000 đồng. Khi vay giữa ông và ông **T** đều thống nhất thỏa thuận ghi trong giấy vay nợ thời gian trả nợ là 06 tháng kể từ ngày vay và mức lãi suất cho vay là 1,5% mỗi tháng. Ngoài ra ông còn bán hàng và cho ông **T** nợ số tiền 1.972.000 đồng. Đến hạn trả nợ các khoản vay ông đã đòi ông **T** nhiều lần, tuy nhiên ông **T** chỉ trả cho ông được số tiền lãi của các khoản vay đến ngày 04/02/2024. Đến ngày 27/01/2025 sau khi đòi nợ nhiều lần không trả thì giữa ông và ông **T** đã chốt nợ với nhau tổng số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi tính đến ngày 27/01/2025 là 31.307.000 đồng. Ông **T** có cam kết với ông sẽ trả cho ông cả số tiền nợ gốc và nợ lãi trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chốt nợ và mức lãi suất trên số tiền nợ gốc vẫn tính là 1,5 % một tháng. Tuy nhiên sau khi đến hạn ông đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông **T** cố tình trốn tránh không trả nợ cho ông.

Đến nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Trần Trung T** phải trả cho ông số tiền hai bên đã chốt nợ là 31.307.000 đ (Ba mươi một triệu ba trăm linh bảy nghìn đồng) và số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc đã vay là 24.560.000 đồng với mức lãi suất là 1,5 %/ 1 tháng, tính từ ngày 27/01/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông **Trần Trung T** để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông **T** đều vắng mặt không có lí do. Do đó không có ý kiến của ông **T** trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông **Hoàng Văn L** với ông **Trần Trung T** đang tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” do ông **T** vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là ông **Trần Trung T** cư trú tại **xã K, tỉnh Thanh Hóa** nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thanh Hoá. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng ông **T** vắng mặt không có lí do, nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt ông **T** và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho ông **T** theo khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông **Trần Trung T** cũng đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Ông **Hoàng Văn L** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tòa án xét xử vắng mặt các đương sự

[2]. Việc ông **Trần Trung T** vay của ông **Hoàng Văn L**, tổng số tiền nợ gốc là 24.560.000đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) và sau đó đến ngày 27/01/2025 đã chốt nợ tổng số tiền 31.307.000 đồng được thể hiện trong giấy vay tiền mà Nguyên đơn giao nộp cho Tòa án. Trong giấy vay tiền ghi rõ số tiền vay, ngày vay tiền, ngày trả nợ, phương thức trả nợ và có chữ ký (ghi rõ họ tên) của người vay là ông **Trần Trung T**. Quá trình giải quyết vụ án ông **T** không có ý kiến về nội dung trên. Như vậy HĐXX xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa các bên đã được xác lập bằng văn bản, là hợp đồng hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu về trả nợ số tiền hai bên chốt nợ: Hai bên thỏa thuận với nhau, thời hạn trả nợ của khoản tiền này là 01 năm kể từ ngày chốt nợ (Ngày 27/01/2025). Đến nay thời hạn trả nợ đã hết ông **T** không trả được tiền cho ông **L** và đã vi phạm thời hạn trả nợ. Ông **L** khởi kiện yêu cầu ông **T** phải trả số tiền 31.307.000 đồng hai bên đã thỏa thuận chốt nợ. HĐXX xét thấy yêu cầu của ông **L** là phù hợp với thỏa thuận mà hai bên đã giao kết và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu về trả số tiền hai bên đã chốt nợ của ông **Hoàng Văn L**. Buộc ông **Trần Trung T** phải có trách nhiệm trả cho ông **Hoàng Văn L** số tiền 31.307.000 đồng (Ba mươi một triệu ba trăm linh bảy nghìn đồng).

[4]. Về yêu cầu tính lãi suất: Tại các giấy vay tiền và giấy chốt nợ có ghi lãi suất khoản vay là 1,5 %/tháng, số tiền nợ gốc tính lãi là 24.560.000 đồng, ngày bắt đầu tính lãi là ngày 27/01/2025. Ông **T** không có ý kiến về nội dung này, thỏa thuận về lãi suất của hai bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó yêu cầu trả tiền lãi của ông **L** trên số dư nợ gốc tính từ ngày chốt nợ đến khi trả nợ xong với mức lãi suất 1,5% mỗi tháng được chấp nhận cụ thể số tiền lãi suất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận cụ thể như sau: Số tiền lãi trên số tiền nợ gốc 24.560.000 đồng tính từ ngày 27/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/08/2026 là 18 tháng 17 ngày. Khoản tiền lãi này bằng $24.560.000 \text{ đồng} \times 1,5\% \times 18 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} = 6.840.000 \text{ đồng}$.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ ông **T** còn phải tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền gốc chưa thanh toán đến khi trả nợ xong với mức lãi suất là 1,5 % mỗi tháng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu về trả số tiền nợ gốc và tiền lãi suất nên bị đơn là ông **Trần Trung T** phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 280; 351; 357; 463; Khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông **Trần Trung T** phải trả cho ông **Hoàng Văn L** tổng số tiền 38.147.000 đồng (Ba mươi tám triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng); trong đó: Tiền nợ hai bên chốt nợ là 31.307.000 đồng; tiền lãi phải trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.840.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 15/08/2026), Ông **Trần Trung T** phải tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền gốc còn nợ lại (Số tiền nợ gốc tính lãi tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 24.560.000 đồng) với lãi suất là 1,5 % / 01 tháng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí: Ông **Trần Trung T** phải chịu 1.907.350 đồng (Một triệu chín trăm linh bảy nghìn ba trăm năm mươi đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt các đương sự. Ông **Hoàng Văn L** và ông **Trần Trung T** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Hoàn

Lê Thị Tâm

Bùi Văn Hải

